

**Phụ lục 2**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Gia Lai)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng cộng	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1)	Trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh (3)	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)x10%	(7)	(8)=(5)-(6)-(7)	(9)=(8)+(6)	(10)
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>9,088,126</b>	<b>986,877</b>	<b>8,101,249</b>	<b>810,125</b>	<b>1,901,249</b>	<b>5,389,875</b>	<b>6,200,000</b>	
<b>I</b>	<b>CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>	<b>4,077,250</b>	<b>986,877</b>	<b>3,090,373</b>	<b>309,037</b>	<b>696,813</b>	<b>2,084,523</b>	<b>2,393,560</b>	
1	Pleiku	2,553,000	704,528	1,848,472	184,847	404,563	1,259,061	1,443,909	
2	Đak Đoa	166,350	25,000	141,350	14,135	36,005	91,211	105,346	
3	An Khê	150,000	15,000	135,000	13,500	29,160	92,340	105,840	
4	Ayun Pa	37,500	-	37,500	3,750	8,100	25,650	29,400	
5	Chư Sê	250,000	12,000	238,000	23,800	50,760	163,440	187,240	
6	Chư Păh	80,000	14,400	65,600	6,560	14,472	44,568	51,128	
7	Ia Grai	274,000	59,000	215,000	21,500	55,650	137,850	159,350	
8	Mang Yang	40,000	5,999	34,001	3,400	7,425	23,176	26,576	
9	Chư Prông	120,000	67,000	53,000	5,300	14,310	33,390	38,690	
10	Chư Puh	120,000	30,000	90,000	9,000	22,950	58,050	67,050	
11	Kbang	35,000	8,500	26,500	2,650	5,994	17,856	20,506	
12	Kông Chro	11,400	8,500	2,900	290	347	2,263	2,553	
13	Đức Cơ	120,000	15,000	105,000	10,500	25,920	68,580	79,080	
14	Đăk Pơ	40,000	4,000	36,000	3,600	7,830	24,570	28,170	
15	Ia Pa	10,000	2,000	8,000	800	1,755	5,445	6,245	
16	Krông Pa	50,000	15,000	35,000	3,500	7,522	23,978	27,478	
17	Phú Thiện	20,000	950	19,050	1,905	4,050	13,095	15,000	
<b>II</b>	<b>TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐẦU TƯ</b>	<b>5,010,876</b>	<b>-</b>	<b>5,010,876</b>	<b>501,088</b>	<b>1,204,437</b>	<b>3,305,352</b>	<b>3,806,439</b>	
<b>Trong đó:</b>									
	<b>Vốn dự phòng (10%)</b>				<b>50,109</b>		<b>330,535</b>	<b>380,644</b>	
	<b>Thực hiện dự án (90%)</b>				<b>450,979</b>		<b>2,974,817</b>	<b>3,425,796</b>	
1	Tiền sử dụng đất của tỉnh điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố đầu tư (2)						297,482	297,482	

STT	Đơn vị	Giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng cộng	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1)	Trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh (3)	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư		
2	Tiền sử dụng đất của tỉnh đầu tư				450,979		2,677,335	3,128,314	

**Ghi chú:** (1) Tiền đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố nộp về tỉnh để đầu tư cho Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai

(2) Kinh phí điều tiết về các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế khi có phát sinh số thu tiền sử dụng đất của tỉnh.

(3) Năm 2021 không trích nộp quỹ phát triển đất và để lại cho đầu tư